

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

**GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỶ
LỨA TUỔI MẦM NON Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

MÃ SỐ: B2014 - TN03 - 04

Chủ nhiệm đề tài: TS. TRẦN THỊ MINH HUẾ

THÁI NGUYÊN, NĂM 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỶ
LỨA TUỔI MẦM NON Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

MÃ SỐ: B2014 - TN03 - 04

Xác nhận của cơ quan chủ trì đề tài
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(Ký, họ tên)

TS. Trần Thị Minh Huệ

THÁI NGUYÊN, NĂM 2018

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Nội dung nghiên cứu cụ thể được giao
PGS.TS. Nguyễn Xuân Hải	Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	Cộng tác viên, cố vấn chuyên môn xây dựng khung lý thuyết của đề tài
TS. Nguyễn Thị Hương Giang	Trung tâm Phục hồi chức năng - Bệnh viện Nhi Trung ương	Cộng tác viên, cố vấn chuyên môn xây dựng khung lý thuyết của đề tài
Ths. Đỗ Thị Thảo	Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội Sáng lập viên, cố vấn giáo dục của Trường chuyên biệt Ánh Sao (Hà Nội)	Nghiên cứu thực trạng, Tham gia tổ chức hội thảo
Ths. Nguyễn Thị Mẫn	Phó Khoa Giáo dục Mầm non - Đại học Sư phạm Thái Nguyên, chuyên môn Giáo dục học	Tổ chức khảo sát thực trạng
Ths. Ngô Giang Nam	Phòng QLKH - ĐH Sư phạm - ĐHTN	Thư ký đề tài

DANH SÁCH ĐƠN VỊ PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Nội dung phối hợp nghiên cứu	Họ và tên người đại diện đơn vị phối hợp
1. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	Phối hợp nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng	PGS.TS Nguyễn Thị Hoàng Yến, Phó Viện trưởng
2. Sở GD&ĐT Tỉnh Thái Nguyên; Trung tâm hỗ trợ trẻ em thiệt thòi tỉnh Thái Nguyên	Phối hợp khảo sát thực trạng	PGS.TS Phạm Việt Đức Ths. Nguyễn Thị Kim Nhung
3. Sở GD&ĐT Tỉnh Bắc Kạn; Trung tâm Giáo dục trẻ em khuyết tật Tỉnh Bắc Kạn	Phối hợp khảo sát thực trạng Phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ tuổi mầm non	Đ/c Phạm Lê Ngà Đ/c Lưu Thị Hạnh
4. Sở GD&ĐT Tỉnh Tuyên Quang; Trung tâm Giáo dục trẻ em có hoàn cảnh thiệt thòi Tỉnh Tuyên Quang	Khảo sát thực trạng và thực nghiệm biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ tuổi mầm non	Đ/c Hoàng Văn Thịnh
5. Sở GD&ĐT Tỉnh Sơn La; Trung tâm Giáo dục trẻ em có hoàn cảnh thiệt thòi Tỉnh Sơn La	Khảo sát thực trạng	Đ/c Hoàng Tiến Đức
6. Sở GD&ĐT Tỉnh Điện Biên; Trung tâm Giáo dục trẻ em có hoàn cảnh thiệt thòi Tỉnh Điện Biên.	- Trao đổi kinh nghiệm thực tiễn - Khảo sát thực trạng	Đ/c Lê Văn Quý -

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu	1
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	2
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỈ Ở	
TRƯỜNG MẦM NON	3
1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu	3
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài	3
1.1.2. Những nghiên cứu trong nước	3
1.2. Khái niệm công cụ	3
1.2.1. Tự kỉ và hội chứng tự kỉ	3
1.2.2. Rối loạn tự kỉ	4
1.2.3. Giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	4
1.3. Một số vấn đề lý luận về trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	4
1.3.1. Đặc điểm chung về sinh học và tâm lý của trẻ tự kỉ	4
1.3.2. Biểu hiện của tự kỉ và trạng thái liên quan tới hội chứng tự kỉ ở trẻ từ 0 đến 6 tuổi	4
1.3.3. Phân loại hội chứng tự kỉ và các hội chứng khác trong phổ tự kỉ ở tuổi mầm non	4
1.4. Phát hiện sớm và can thiệp sớm trẻ tự kỉ tuổi mầm non	5
1.5. Những vấn đề cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	5
1.5.1. Mục tiêu giáo dục giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	5
1.5.2. Nội dung giáo dục giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	5
1.5.3. Phương pháp giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	5
1.5.4. Mô hình giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	5
1.5.5. Quy trình giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	6
Chương 2	7
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỈ	7
LỨA TUỔI MẦM NON Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM	7
VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG	7
2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng	7
2.1.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội và công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tự kỉ tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc	7
2.1.2. Mục tiêu, nội dung, quy mô và phương pháp khảo sát	7
2.2. Thực trạng nhận thức về giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non	7
2.3. Thực trạng tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non khu vực miền núi phía Bắc	8
Chương 3	9

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỈ	9
LỨA TUỔI MẦM NON Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM	9
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp	9
3.1.1. Đảm bảo mục tiêu của giáo dục mầm non	9
3.1.2. Đảm bảo phù hợp với đặc điểm của trẻ	9
3.1.3. Đảm bảo tính phát triển, tính hệ thống, tính đồng bộ	9
3.1.4. Đảm bảo tính cụ thể, tính mềm dẻo, tính linh hoạt	9
3.1.5. Đảm bảo tiếp cận hoạt động, phát huy vai trò chủ thể của trẻ	9
3.2. Các nhóm biện pháp giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ tuổi mầm non	9
3.2.1. Biện pháp 1: Lựa chọn công cụ chẩn đoán mức độ phát triển hiện tại của trẻ	9
3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng nội dung giáo dục phát triển cá nhân trẻ tự kỉ	9
3.2.3. Biện pháp 3: Lựa chọn và sử dụng các phương pháp, biện pháp, kĩ thuật tác động phát triển trẻ	10
2.3.4. Biện pháp 4: Phối hợp với cha mẹ trong giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ	10
3.2.5. Biện pháp 5: Phát triển môi trường giáo dục hòa nhập cho trẻ thông qua kĩ thuật vòng tay bè bạn	10
3.2.6. Biện pháp 6: Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng	10
3.3. Tổ chức thực nghiệm các nhóm biện pháp đề xuất và kết quả đạt được	10
3.3.1. Mục đích của thực nghiệm	10
3.3.2. Nội dung của thực nghiệm	10
3.3.3. Tổ chức thực nghiệm	10
3.3.3.1. Điều kiện thực nghiệm	10
3.3.3.2. Chuẩn bị thực nghiệm	10
3.3.4. Tiến trình và theo dõi thực nghiệm	11
3.3.5. Đánh giá kết quả thực nghiệm	12
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	13
1. Kết luận	13
2. Khuyến nghị	14

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBG	: Chưa bao giờ
CBQLGD	: cán bộ quản lý giáo dục
CNH-HĐH	: Công nghiệp hoá - hiện đại hoá
ĐC	: Đối chứng
ĐK	: Đôi khi
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
GV	: Giáo viên, nhà giáo dục
TN	: Thực nghiệm
tr	: Trang
TX	: Thường xuyên

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài: Giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc.

- Mã số: B2014 - TN03 - 04

- Chủ nhiệm đề tài: TS. Trần Thị Minh Huệ

- Cơ quan chủ trì: Đại học Thái Nguyên

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 12 năm 2016

2. Mục tiêu:

Đề xuất được các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc.

3. Tính mới và sáng tạo:

Đề tài xây dựng cơ sở lý luận về giáo dục hoà nhập trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non; làm rõ được thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng giáo dục hoà nhập trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam; đề xuất được hệ thống biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập trẻ tự kỉ đáp ứng yêu cầu thực tiễn về các mô hình giáo dục hoà nhập cho trẻ ở các trường mầm non hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu:

- Tổng quan được những công trình nghiên cứu về trẻ tự kỉ, giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non trên thế giới và Việt Nam;

- Xây dựng được khung lý luận về giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ ở trường mầm non.

- Đánh giá được thực trạng giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa ở các trường mầm non thuộc khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

- Xây dựng được hệ thống biện pháp giáo dục khoa học, khả thi, đáp ứng yêu cầu của công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non khuyết tật nói chung và trẻ tự kỉ nói riêng ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam - khu vực còn nhiều khó khăn về cơ hội và điều kiện tiếp cận quan điểm và thành tựu mới trong nghiên cứu và triển khai công tác giáo dục cho trẻ tự kỉ; Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho các thành viên tham gia đề tài.

- Cung cấp thông tin lý luận và thực trạng để các nhà nghiên cứu, xây dựng chính sách đối với người khuyết tật có thêm luận cứ công nhận hội chứng tự kỉ là một dạng khuyết tật, cần có những quan tâm nghiên cứu sâu và có những biện pháp hiệu quả để giúp người khuyết tật dạng tự kỉ có những điều kiện sống và phát triển bình đẳng trong môi trường xã hội, hạn chế gánh nặng về tinh thần và vật chất cho gia đình và xã hội từ khó khăn và khiếm khuyết của người mắc hội chứng tự kỉ;

- Cung cấp luận cứ khoa học cho việc đổi mới chương trình giáo dục mầm non, giáo dục đặc biệt nói chung và giáo dục trẻ tự kỉ - một dạng khuyết tật đang có chiều hướng tăng nhanh trong xã hội hiện đại xong lại chưa có nhiều thành công trong nghiên cứu và chưa có những biện pháp can thiệp, trị liệu đúng đắn ở Việt Nam giai đoạn 2015-2020 (trong xây dựng chương trình giáo dục, trong công tác hướng dẫn và thực hiện chương trình, trong bồi dưỡng năng lực cho giáo viên).

5. Sản phẩm:

5.1. Bài báo khoa học

- [1]. Trần Thị Minh Huệ (2017), “Thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non tại khu vực miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục số 150 kỳ 1*, tr. 52-54.
- [2]. Trần Thị Minh Huệ (2017), “Thực trạng và biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non tại khu vực miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục số 152 kỳ 1*, tr. 64-67.
- [3]. Tran Thi Minh Hue (2017), “Education for autistic preschool children to help integrate into community in the Northern mountainous areas of Vietnam: reality and solutions”, *Молодой учёный, Международный научный журнал, Выходит еженедельно*, 50(184), pp. 278 -281.

5.2. Sản phẩm đào tạo:

- [1]. Nguyễn Thị Kim Hương (2015), *Biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ tuổi mầm non tại thành phố Thái Nguyên*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học.
- [2]. Lý Thị Anh Thư (2015), *Giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ theo mô hình kết hợp giữa trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật và trường mầm non tại thành phố Tuyên Quang - tỉnh Tuyên Quang*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học.

5.3. Sách chuyên khảo:

Trần Thị Minh Huệ, 2018, *Giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc*, Bản thảo sách.

5.4. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non và cha mẹ trẻ tự kỉ

- [1]. Tài liệu “Bồi dưỡng về giáo dục trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non” (dành cho giáo viên)
- [2]. Tài liệu “Bồi dưỡng về giáo dục trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non” (dành cho cha mẹ trẻ mầm non).

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

6.1. Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

Hợp đồng giữa chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở đào tạo giáo viên mầm non.

6.2. Địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu có thể ứng dụng trong quá trình đào tạo sinh viên, học viên cao học, bồi dưỡng giáo viên ở các trường mầm non, trường sư phạm, viện nghiên cứu sư phạm có đào tạo giáo viên mầm non và giáo viên giáo dục đặc biệt, trung tâm giáo dục đặc biệt.

Kết quả nghiên cứu ứng dụng trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho bác sỹ tâm lý trị liệu, kỹ thuật viên trị liệu cho trẻ tự kỉ tại Trường đại học Y khoa, Bệnh viện có Khoa Phục hồi chức năng.

Kết quả nghiên cứu ứng dụng được trong đào tạo, bồi dưỡng năng lực giáo dục hoà nhập trẻ tự kỉ cho giáo viên mầm non.

Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo, tài liệu bồi dưỡng giáo viên và kỹ thuật viên trị liệu tâm lý - y học lâm sàng tại các trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật có đối tượng trị liệu là trẻ tự kỉ tuổi mầm non.

Kết quả nghiên cứu là tài liệu hướng dẫn cha mẹ có con là trẻ tự kỉ những kiến thức, kỹ năng và biện pháp giáo dục tại gia đình.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018

Cơ quan chủ trì
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

TS. Trần Thị Minh Huệ

**MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING
THAI NGUYEN UNIVERSITY**

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

- Project title: Integrative Education for Preschool Autistic Children in The Northern Mountainous Area.
- Code number: B2014 - TN03 - 04
- Coordinator: Dr. Tran Thi Minh Hue
- Implementing institution: Thai Nguyen University
- Duration: From January 2014 to December 2016

2. Objectives:

Proposing the solutions to improve the quality of integrative education for preschool autistic children in the northern mountainous areas.

3. Creativeness and innovativeness:

The project makes fundamentals theories of integrated education for autistic children in preschool age; clarify the current status and factors affecting the current status of integrative education of autistic children in preschool age in the mountainous region in northern Vietnam; Propose a system of solutions to improve the quality of integrative education of autistic children to meet the practical requirements of integrative education models for children at preschools today.

4. Research results:

- Make an overview of studies on autistics, on integrative education for preschool autistic children in the world and in Vietnam;
- Develop a theoretical framework for integrative education for preschool children with disabilities in general and autistic children in particular at preschool.
- Assess of the status of integrative education for preschool autistic children at preschools in the mountainous areas of northern Vietnam.
- Develop a feasible system of scientific and educational methods to meet the requirements of integrative education for preschool children with disabilities in general and autistic children in particular in the northern mountainous areas in Vietnam where have many difficulties in terms of opportunities and conditions of accessing new perspectives and achievements in research and development of education for autistic children; Enhance scientific research capacity of the collaborators.
- Provide theoretical information and factual situations for researchers who develop policies for people with disabilities with a hope of giving an additional justification for the recognition of autistics as a form of disability. It is necessary to have deep research and effective solutions to help autistics develop living conditions and develop equally in

society, and to reduce mental and physical burden on families and society from difficulties and defects of autistic persons;

- Provide a scientific foundation for the renovation of preschool education, special education in general and education for autistic children - a form of disability that is tending to increase rapidly in modern society. However, there are not many successful researches and corectly therapeutic interventions in Vietnam in the period 2015-2020 (in the development of educational programs, in the guidance and implementation of the program, in training capacity for teachers).

5. Products:

5.1. Scietific articles

[1]. Tran Thi Minh Hue (2017), *“The awareness reality of integrative education for autistic preschool children in the Northern mountainous region”*, *Journal of Educational Equipment*, 150 phase 1, pp. 52- 54.

[2]. Tran Thi Minh Hue (2017), *“Reality and sollutions for integrative education for preschool autisticchildren in the Northern mountainous region”*, *Journal of Educational Equipment*, 152 phase 1, pp. 64- 67.

[3]. Tran Thi Minh Hue (2017), *“Education for autistic preschool children to help integrate into community in the Northern mountainous areas of Vietnam: reality and solutions”*, *Молодой учёный, Международный научный журнал, Выходит еженедельно*, 50 (184), pp. 278 - 281.

5.2. Training products:

[1]. Nguyen Thi Kim Huong (2015), *Solutions for integrative education for autistic preschool children in Thai Nguyen city*, Masters thesis major in Education.

[2]. Ly Thi Anh Thu (2015), *Integration education for autistic children based on the combination model of education centers for children with disabilities and preschools in Tuyen Quang city, Tuyen Quang province*, Masters thesis major in Education.

5.3. Monographs:

Tran Thi Minh Hue (2018), *Integrative Education for autistic preschool children in Northern mountainous areas*.

5.4. Fostering materials:

[1]. "Fostering on educating autistic preschool children" (for teachers)

[2]. "Fostering on educating autistic preschool children" (for parents of preschool children).

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

6.1. Method of transferring research results

The contract between the chairman of the subject, the leading agency with the pre-school education institution and the pre-school teacher training institution.

6.2. Effectiveness and applicability

Research’s results can be applied in the training students, master students, teachers fostering at kindergartens, pedagogical schools and pedagogical research institutes training pre-school teacher and special educational teacher, special education center.

Research results apply in the training process, fostering professional competances of psychotherapists, therapists for autistic children at the Medical University, the Hospital has the Department of Rehabilitation.

The results of research applied in training and fostering integration of autistic children in preschool teachers.

The results of the study are reference materials, materials for fostering teachers and psychotherapists - clinical medicine at educational centers for children with disabilities who are treated as autistic children of preschool age.

The results of the study are documents for parents who are self-taught autistic children with knowledge, skills and educational measures at home.

June 19, 2018

Implementing institution

Coordinator

Dr. Tran Thi Minh Hué

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

1.1. Năm 1945, các quốc gia thành lập UNESCO đã ký một văn bản thoả thuận thể hiện niềm tin "Cơ hội đầy đủ và bình đẳng cho giáo dục". Kể từ thời điểm đó, giáo dục cho mọi người trở thành một phần nhiệm vụ của UNESCO thực hiện những cơ hội thành hiện thực. Tuyên ngôn về nhân quyền nói rằng "Mọi người đều có quyền được học tập" (Điều 26). Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt nói chung, trẻ tự kỉ nói riêng là thực hiện Tuyên ngôn thế giới về giáo dục cho mọi người và Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật.

1.2. Tự kỉ là một rối loạn về phát triển, biểu hiện đặc trưng bởi sự khiếm khuyết về chất lượng tương tác xã hội, giao tiếp và các hành vi định hình, rập khuôn, thu hẹp bất thường kèm theo nhiều rối loạn về thực thể và tâm thần khác. Sự thiếu hụt rõ rệt các chức năng khiến cho người mắc rối loạn tự kỉ trở thành người khuyết tật trong cộng đồng, suy giảm chất lượng sống, đồng thời là gánh nặng của gia đình và xã hội. Trong những thập kỷ gần đây, do thay đổi về nhận thức và tiêu chuẩn chẩn đoán kết hợp các yếu tố sinh học và môi trường, tỷ lệ trẻ tự kỉ gia tăng nhanh. Khảo sát của CDC (Mỹ) công bố năm 2014, cứ 68 trẻ thì có một trẻ bị rối loạn tự kỉ, tăng 30% so với năm 2012. Tại Việt Nam, bệnh tự kỉ được biết đến vào cuối những năm 90. Từ năm 2000, những rối loạn này bắt đầu được quan tâm nhiều hơn về vấn đề can thiệp, điều trị tại các bệnh viện nhi và trung tâm giáo dục đặc biệt. Việc phát hiện các bất thường và đưa trẻ đến với các nhà chuyên môn phần lớn là do gia đình, với hầu hết các dấu hiệu như chậm nói, thiếu tập trung, tăng động... mà không phải là phát hiện và hướng dẫn của các cán bộ y tế, kể cả các bác sĩ chuyên khoa nhi. Điều này cho thấy, hầu hết các cán bộ y tế tuyến cơ sở, bác sĩ chuyên khoa nhi thiếu kiến thức về theo dõi phát triển và các bệnh lý phát triển cũng như kiến thức về rối loạn tự kỉ. Bên cạnh đó, nhiều bậc cha mẹ có con mắc hội chứng tự kỉ không nhận biết được trạng thái của bệnh hoặc trẻ mắc bệnh không được cha mẹ thừa nhận để thực hiện biện pháp giáo dục phù hợp để giúp trẻ phát triển.

1.3. Theo kết quả đánh giá hằng năm về thực hiện chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 17/2009 - BGD&ĐT, chất lượng giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước nói chung đã có nhiều chuyển biến tích cực song bên cạnh những thành công thì công tác giáo dục mầm non trong các cơ sở giáo dục vẫn chưa có nhiều quan tâm cho giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt nói chung và trẻ tự kỉ nói riêng, việc xây dựng và tổ chức hoạt động phối hợp giữa trường mầm non và các trung tâm giáo dục hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt nói chung đặc biệt ở địa phương miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều bất cập, nhiều nơi chưa quan tâm thực hiện.

Nghiên cứu về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non nếu được thực hiện tốt sẽ cung cấp các cơ sở xây dựng chính sách về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ trong cơ sở giáo dục mầm non, giúp trẻ mầm non mắc hội chứng tự kỉ phát triển trong môi trường giáo dục và có cuộc sống an toàn, hạnh phúc.

Từ các lý do cơ bản trên, chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài "Giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc".

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc, đề tài đề xuất được các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Về nội dung

- Kết hợp những kết quả nghiên cứu của sinh lý học thần kinh, y học, tâm lý học ứng dụng, đề tài đi sâu nghiên cứu biểu hiện đặc trưng của trẻ tự kỉ dạng điển hình lứa tuổi mầm non và những cơ sở khoa học của công tác giáo dục để xây dựng biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

- Đề tài tập trung nghiên cứu giáo dục trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non theo mô hình giáo dục hòa nhập tại trường mầm non công lập – mô hình phổ biến, có nhiều nhất số trẻ tự kỉ được tiếp nhận, chăm sóc và giáo dục ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

3.2.2. Về phạm vi khảo sát và địa bàn thực nghiệm

Đề tài khảo sát 800 đối tượng gồm 50 hiệu trưởng trường mầm non, 600 giáo viên mầm non, 100 gia đình có con ở tuổi mầm non mắc hội chứng tự kỉ; 50 cán bộ, giáo viên các trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật thuộc 5 tỉnh miền núi phía Bắc: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên, Sơn La.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non dựa trên quan điểm tiếp cận bình đẳng trong giáo dục và giáo dục cho mọi người của Tuyên bố thế giới về giáo dục cho mọi người, quan điểm UNESCO, giáo dục hướng đến sự phát triển toàn diện, hài hòa nhân cách cho con người; dựa trên quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục phát triển toàn diện nhân cách con người thời kì CNH-HĐH.

Nghiên cứu các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non trong mối quan hệ với sự phát triển và hoàn thiện nhân cách người GV đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GV mầm non, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.

Nghiên cứu đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non trên quan điểm phát triển, quan điểm tiếp cận hoạt động và nhân cách. Đề phát triển kiến thức, kỹ năng sống cần thiết, khắc phục khiếm khuyết về nhận thức, ngôn ngữ, vận động, tương tác xã hội cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non cần dựa vào trạng thái phát triển và nhu cầu của trẻ; trên cơ sở đó, tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập cụ thể để giúp trẻ khắc

phục khiếm khuyết, hình thành kiến thức và kỹ năng mới để tự lập và hòa nhập tích cực trong môi trường xã hội.

Nghiên cứu biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ tuổi mầm non trên quan điểm tiếp cận giáo dục giá trị. Thông qua việc tham gia, tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập, GV mầm non tăng cường được kiến thức về ý nghĩa và giá trị nghề nghiệp, kiến thức và kỹ năng phát hiện, chăm sóc và giáo dục trẻ tự kỷ trong môi trường giáo dục hòa nhập, đây là yếu tố quan trọng để hình thành năng lực giáo dục đặc biệt, đảm bảo thực hiện chất lượng và hiệu quả quá trình giáo dục trong trường mầm non. Đồng thời, vận dụng những biện pháp này thành công trong giáo dục hòa nhập sẽ mang lại cho trẻ mầm non tự kỷ những giá trị sống tích cực.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa; phương pháp lịch sử để xây dựng cơ sở lý luận của vấn đề giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ mầm non.

Sử dụng phương pháp quan sát, điều tra, trắc nghiệm, nghiên cứu hồ sơ trẻ, phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động để đánh giá thực trạng giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ mầm non ở 5 tỉnh thuộc khu vực phía Bắc Việt Nam.

Sử dụng phương pháp chuyên gia để chính xác hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn nghiên cứu, sử dụng phương pháp khảo nghiệm và thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng giá trị của các biện pháp đề xuất.

Sử dụng phương pháp toán thống kê để xử lý kết quả nghiên cứu định lượng và định tính.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỶ Ở TRƯỜNG MẦM NON

1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

- * Nghiên cứu về trẻ tự kỷ
- * Nghiên cứu về công cụ chẩn đoán, đánh giá trẻ tự kỷ
- * Nghiên cứu về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ

1.1.2. Những nghiên cứu trong nước

- * Nghiên cứu về trẻ tự kỷ
- * Nghiên cứu về công cụ chẩn đoán, đánh giá trẻ tự kỷ
- * Nghiên cứu về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ

1.2. Khái niệm công cụ

1.2.1. Tự kỷ và hội chứng tự kỷ

Tự kỷ hay còn gọi bằng tên khác như hội chứng tự kỷ, là một dạng khuyết tật phát triển tồn tại suốt cuộc đời, thường xuất hiện trong 3 năm đầu đời. Tự kỷ là do rối loạn thần

kinh, gây ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của não bộ. Tự kỷ có thể xảy ra ở bất cứ cá nhân nào không phân biệt giới tính, chủng tộc hoặc điều kiện kinh tế - xã hội. Đặc điểm của tự kỷ là những khiếm khuyết về tương tác xã hội, giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ và có hành vi, sở thích, hoạt động mang tính hạn hẹp, lặp đi lặp lại”.

1.2.2. Rối loạn tự kỉ

Rối loạn tự kỉ (tên tiếng Anh là: Asperger syndrome viết tắt là AS hoặc Asperger disorder viết tắt là ASD) là một hội chứng bệnh rối loạn về sự phát triển thường gặp ở trẻ em theo thể dạng rối loạn phát triển lan tỏa thuộc phổ nhẹ và có khả năng cao nhất dẫn đến chứng tự kỷ. Bệnh này biểu hiện phổ biến ở các bé trai với tỷ lệ bé trai mắc bệnh cao gấp ba lần so với bé gái. Những trẻ em bị mắc chứng rối loạn tự kỷ sẽ gặp bất lợi trong cuộc sống do thiếu nhiều kỹ năng sống và kỹ năng giao tiếp xã hội tuy vậy, một số trẻ bị bệnh này lại có những lợi thế về khả năng và tố chất đối với toán học, kỹ thuật và tin học.

1.2.3. Giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non

Giáo dục hoà nhập là phương thức giáo dục trong đó trẻ khuyết tật cùng học với trẻ em bình thường, trong trường phổ thông, mầm non ngay tại nơi trẻ đang sinh sống. Giáo dục hoà nhập có những đặc trưng cơ bản: 1) Giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội; 2) Trẻ đi học ở cơ sở giáo dục tại nơi trẻ đang sinh sống; 3) Không đánh đồng mọi trẻ, mỗi trẻ là khác nhau; 4) Điều chỉnh phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ về mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục.

Trong cơ sở giáo dục mầm non, “*Giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non là quá trình sự phạm được tổ chức có mục đích, có kế hoạch. Trong đó, dưới vai trò chủ đạo của giáo viên và sự phối hợp của các lực lượng giáo dục khác, trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non được tiếp cận chương trình giáo dục cho mọi người ở tuổi mầm non, đồng thời những nhu cầu đặc biệt của trẻ được quan tâm đáp ứng một cách chuyên biệt qua đó giúp trẻ tự kỉ hình thành và phát triển nhân cách theo mục tiêu của giáo dục mầm non vừa hình thành và phát triển được khả năng và nhu cầu đặc biệt theo sự phát triển cá nhân của trẻ*”.

1.3. Một số vấn đề lý luận về trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non

1.3.1. Đặc điểm chung về sinh học và tâm lý của trẻ tự kỉ

Đặc điểm trẻ tự kỉ về hình dáng cơ thể; về cảm giác, về chú ý, về tư duy, tưởng tượng; về hành vi; về cảm xúc, tương tác xã hội và về giao tiếp.

Nguyên nhân gây ra hội chứng tự kỉ (*sự bất thường của não, bất thường về nhiễm sắc thể; hàm lượng thủy ngân cao trong máu; bộ phận tiêu hóa của trẻ kém; yếu tố môi trường*).

1.3.2. Biểu hiện của tự kỉ và trạng thái liên quan tới hội chứng tự kỉ ở trẻ từ 0 đến 6 tuổi

Nghiên cứu các biểu hiện bất thường liên quan đến bệnh tự kỉ ở trẻ mầm non theo các giai đoạn: Trẻ 0-6 tháng tuổi; trẻ 6-12 tháng tuổi; trẻ 12-30 tháng tuổi; trẻ 30-72 tháng tuổi.

1.3.3. Phân loại hội chứng tự kỉ và các hội chứng khác trong phổ tự kỉ ở tuổi mầm non

1.3.4. Nguyên nhân của tự kỉ ở trẻ

1.4. Phát hiện sớm và can thiệp sớm trẻ tự kỷ tuổi mầm non

Việc phát hiện sớm và can thiệp sớm nhằm vào các lĩnh vực định hướng xã hội (social orientation), cùng nhau chú ý (Joint attention), bắt chước, về ngôn ngữ và giao tiếp; tăng cường về hành vi sớm được bắt đầu trong suốt giai đoạn trước khi đến trường và duy trì từ 2-4 năm đã cho thấy có ảnh hưởng có ý nghĩa đến kết quả trong phần lớn những trẻ tự kỷ, bao gồm gia tăng chỉ số IQ, ngôn ngữ,... (Faja & Dawson, 2006).

1.5. Những vấn đề cơ bản về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non

1.5.1. Mục tiêu giáo dục giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non

Giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ tuổi mầm non có mục tiêu giúp trẻ 0 đến 6 tuổi khắc phục các khó khăn về vận động, ngôn ngữ, trở ngại về giao tiếp, ứng xử, hình thành và phát triển các kỹ năng sống cơ bản tiếp cận chuẩn phát triển trẻ 6 tuổi theo chương trình giáo dục mầm non để hòa nhập cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

Giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non nhằm chuẩn bị tốt nhất cho trẻ tự kỷ học hòa nhập với các trẻ có điều kiện phát triển bình thường trong môi trường giáo dục tiểu học.

1.5.2. Nội dung giáo dục giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non

Tập trung giáo dục các kỹ năng cải thiện quan hệ, tạo thói quen học tập thông qua chơi, tập luyện thói quen vệ sinh và chăm sóc bản thân, hoạt động thể lực, kỹ năng sinh hoạt thường ngày; kỹ năng ngôn ngữ - giao tiếp, kỹ năng sử dụng đồ chơi đúng công năng và đa dạng hóa các hoạt động chơi, kỹ năng mở rộng các quan hệ xã hội của trẻ với người khác và cách thức ứng xử phù hợp.

1.5.3. Phương pháp giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non

Bên cạnh việc sử dụng các phương pháp giáo dục nói chung cho trẻ có đặc điểm phát triển bình thường, giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ cần tập trung nghiên cứu vận dụng các phương pháp: tâm vận động; ABA (Phân tích hành vi ứng dụng); TEACH (trị liệu trẻ tự kỷ về giao tiếp); Pecs (hệ thống giao tiếp trao đổi hình); RDI (can thiệp phát triển quan hệ xã hội); âm nhạc trị liệu, ngữ âm trị liệu; xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục can thiệp cá nhân đối với trẻ mầm non mắc hội chứng tự kỷ).

1.5.4. Mô hình giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non

a. Mô hình lớp mầm non chuyên biệt trong trường mầm non đại trà - Tổ chức giáo dục hòa nhập theo lớp chuyên biệt (theo các độ tuổi - chương trình TEACCH).

Đặc điểm đặc trưng cơ bản của mô hình này là tổ chức quá trình giáo dục trẻ tự kỷ thành các lớp học độc lập với trẻ mầm non có sự phát triển bình thường trong trường mầm non. Theo đó, chương trình giáo dục trẻ được xây dựng dựa vào đặc điểm về mức độ và dạng tự kỷ. Tính chất hòa nhập của mô hình này là được đặt trong môi trường giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non bình thường, ngoài thời gian thực hiện các hoạt động mang tính chuyên biệt, trẻ được tham gia các hoạt động cùng các trẻ mầm non có đặc điểm phát triển bình thường ở các lớp học khác trong các hoạt động tập thể ngoài lớp học.

b. Mô hình lớp mầm non hoà nhập trong trường mầm non

Lớp mầm non hòa nhập được tổ chức với chương trình giáo dục mầm non theo độ tuổi phù hợp với chương trình khung giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kết hợp với kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỉ. Trẻ tham gia lớp học hoà nhập sẽ được tham gia thực hiện các hoạt động hàng ngày cùng với trẻ em có đặc điểm phát triển bình thường theo chương trình hoà nhập kết hợp với kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với đặc điểm cá biệt của từng trẻ. Trong điều kiện giáo dục của lớp học, trẻ được GV quan tâm tổ chức để tham gia được hầu hết các hoạt động cùng các bạn, mặt khác GV có quan tâm đến đặc điểm cá nhân của trẻ tự kỉ và các biểu hiện, mức độ tự kỉ để thực hiện chương trình tác động chuyên biệt.

c. Mô hình kết hợp giữa trường mầm non và cơ sở hỗ trợ giáo dục hòa nhập

Mô hình kết hợp giữa trường mầm non và cơ sở hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ tự kỉ là mô hình phối hợp của các chuyên gia y tế, chuyên gia tâm lý học và giáo dục đặc biệt tại các trung tâm y tế, trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật địa phương với nhà trường trong công tác giáo dục hòa nhập trẻ tự kỉ.

Đội ngũ chuyên gia phối hợp với nhà trường cùng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như: Sàng lọc, phát hiện sớm trẻ có dấu hiệu của bệnh tự kỉ ở trẻ; Tư vấn cho nhà trường sắp xếp trẻ vào lớp học phù hợp với sự phát triển của từng trẻ theo lứa tuổi; Tổ chức nhóm chuyên môn hỗ trợ GV dạy lớp hòa nhập trong công tác tìm hiểu, xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp học hòa nhập và kế hoạch cá nhân cho trẻ tự kỉ; Hỗ trợ GV mầm non sử dụng các phương pháp và hình thức giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục trẻ tự kỉ trong môi trường hòa nhập.

1.5.5. Quy trình giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non

a. Chẩn đoán khả năng và nhu cầu của trẻ (kết hợp các phương pháp chẩn đoán y học, tâm lý học và giáo dục học).

b. Xây dựng mục tiêu và kế hoạch can thiệp cá nhân.

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho từng trẻ (tại trường mầm non với các kỹ thuật, phương pháp điều chỉnh, hợp tác nhóm; tại gia đình và cộng đồng).

d. Đánh giá kết quả giáo dục hoà nhập (sử dụng kết hợp các phương pháp quan sát, phỏng vấn, trắc nghiệm, đánh giá sản phẩm).

1.5.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ

Trình độ năng lực giáo dục hoà nhập cho trẻ và phẩm chất của giáo viên; Khả năng hiện tại và khả năng tiếp nhận giáo dục của trẻ; Gia đình; Môi trường bạn bè, Môi trường lớp học và môi trường xã hội.

Chương 2
THỰC TRẠNG GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỶ
LỨA TUỔI MẦM NON Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM
VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG

2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng

2.1.1. Khái quát về đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội và công tác chăm sóc, giáo dục trẻ tự kỷ tuổi mầm non ở khu vực miền núi phía Bắc

2.1.2. Mục tiêu, nội dung, quy mô và phương pháp khảo sát

i) Mục tiêu khảo sát: Đánh giá thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ và thực trạng giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và những nguyên nhân của thực trạng.

ii) Nội dung khảo sát: Thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ và thực trạng giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và những nguyên nhân của thực trạng.

iii) Đối tượng khảo sát: Khảo sát 50 hiệu trưởng, 600 giáo viên mầm non, 100 gia đình có con ở tuổi mầm non mắc hội chứng tự kỷ; 50 cán bộ, giáo viên các trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật thuộc 5 tỉnh miền núi phía Bắc: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Điện Biên, Sơn La.

iv) Phương pháp khảo sát và cách xử lý số liệu: Khảo sát bằng ankét, quan sát, nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm; Xử lý kết quả bằng phương pháp thống kê toán học.

2.2. Thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của các nhóm đối tượng về khái niệm “tự kỷ”; “hội chứng tự kỷ”; “Giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non” và “Biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non” đạt từ 54,08% đến 93,33%; sự nhận thức về những khái niệm mang tính tổng quan, vĩ mô chính xác hơn những khái niệm cụ thể. Còn những khái niệm mang tính cụ thể, chuyên sâu đến vấn đề như khái niệm “hội chứng tự kỷ” và khái niệm “biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ ở lứa tuổi mầm non” thì còn khá nhiều người phân vân, lúng túng, chưa có nhận thức cụ thể, rõ ràng.

Đa số đối tượng khảo sát có nhận thức tích cực về vị trí, vai trò của trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật trong giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ. 100% cán bộ quản lý cho rằng trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật có vai trò quan trọng trong tư vấn cho phụ huynh, cộng đồng về cách chăm sóc giáo dục, phục hồi chức năng cho trẻ, cập nhật những thông tin mới về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt (97,35 %); Xây dựng môi trường giáo dục tích cực về cơ sở vật chất, giáo viên làm điều kiện thuận lợi cho giáo dục hòa nhập trẻ (96,46%); Phát hiện sớm trẻ mắc tự kỷ bằng các biện pháp phối hợp có tính chuyên biệt (95,58%); Tổ chức quá trình phối hợp tác động giáo dục giúp trẻ tự kỷ từng bước làm quen, hòa nhập với cuộc sống xã hội (92,04%); Tổ chức đánh giá sự biến đổi của trẻ tự kỷ sau quá trình tác động (89,38%); Sử dụng các phương thức hỗ trợ, trị liệu phục hồi chức năng cho trẻ tại trung tâm, trường mầm non, gia đình (86,72%); Xây dựng chương trình phối hợp để can thiệp sớm trẻ tự kỷ theo định hướng giáo dục hòa nhập tại trường mầm non (84,07%).

Tỷ lệ khá cao giáo viên nhận thức đúng về những kỹ năng cần quan tâm và giáo dục cho trẻ, nhận thức được sự cần thiết giáo dục kỹ năng ngôn ngữ - giao tiếp (96,46%); Kỹ năng mở rộng các quan hệ của trẻ với người khác và cách thức ứng xử phù hợp; Kỹ năng vệ sinh thân thể, vệ sinh quần áo, vệ sinh ăn uống, vệ sinh môi trường tập luyện thói quen vệ sinh và chăm sóc bản thân (94,69%); Kỹ năng sinh hoạt hàng ngày (92,92%); Kỹ năng tập thói quen học tập thông qua chơi (90,26%); Kỹ năng chăm sóc bản thân (89,38%); Kỹ năng hoạt động thể lực (84,07%); Kỹ năng cải thiện quan hệ (81,41%).

Việc sử dụng phương pháp phỏng vấn cho biết lí do một số giáo viên phân vân việc hình thành các kỹ năng cho trẻ tự kỷ là chưa có nhiều thời gian dành riêng cho trẻ, không chắc chắn vào khả năng của bản thân, thiếu niềm tin vào sự thành công của trẻ; sự thiếu đồng bộ giữa cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiếu giáo viên... với nội dung, chương trình cần thực hiện; trẻ thuộc diện tự kỷ phần lớn không được cha mẹ công nhận nên nhà trường không lập hồ sơ giáo dục cá nhân và không thực hiện chương trình giáo dục hoà nhập đáp ứng nhu cầu cá nhân cho trẻ. Mặc dù vậy, hầu hết giáo viên trong các lớp có trẻ tự kỷ đã nhận biết được những khác biệt của đối tượng này so với các trẻ khác. Từ đó, có sự quan tâm, giáo dục cá nhân đối với từng trẻ song chưa thường xuyên và chưa có đánh giá.

Nhận thức về phương pháp giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ theo mô hình kết hợp còn hạn chế.

2.3. Thực trạng tổ chức giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ lứa tuổi mầm non khu vực miền núi phía Bắc

Trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật đã chủ động trong phối hợp lập kế hoạch giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ. Các nội dung có tính kế hoạch cũng được xác định khá tốt. Tuy nhiên khâu quan trọng và có ý nghĩa tiền đề cho việc lập kế hoạch cá nhân là xác định năng lực, nhu cầu của trẻ tự kỷ thì chỉ được thực hiện ở mức độ trung bình; một số trẻ thuộc diện tự kỷ song cha mẹ không công nhận nên nhà trường không lập hồ sơ giáo dục cá nhân cho những trẻ này

Cán bộ quản lý, giáo viên đã quan tâm đến các nội dung giáo dục hòa nhập theo mô hình kết hợp giữa trường mầm non và trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật. Nội dung kết hợp trao đổi kinh nghiệm chuyên môn cho giáo viên về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ được thực hiện một cách thường xuyên nhất.

Việc sử dụng các phương pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ theo mô hình kết hợp giữa trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật và trường mầm non

Phương pháp nhóm được nhiều giáo viên lựa chọn sử dụng một cách thường xuyên, chiếm 82,65%. *Phương pháp tư vấn tâm lý* được nhiều giáo viên sử dụng một cách thường xuyên trong quá trình chăm sóc - giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ, 81,63%. Một số ít giáo viên đôi khi sử dụng phương pháp này, 16,33% và 2,04% giáo viên chưa bao giờ sử dụng phương pháp này. Kết quả sử dụng của phương pháp này cũng được đánh giá ở mức độ tốt, 61,22%; mức độ khá 22,45%; mức độ trung bình 14,28% và 2,05% đánh giá ở mức độ yếu. Các *phương pháp: phân tích hành vi ứng dụng ABA, phương pháp phát sinh từ thực tế; Hệ thống*

giao tiếp bằng cách trao đổi tranh PECS, phương pháp xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục can thiệp cá nhân, Phương pháp trị liệu và giáo dục cho trẻ tự kỷ có khó khăn về giao tiếp TEACCH, Phương pháp tâm vận động được giáo viên sử dụng thường xuyên.

Quy trình phối hợp xây dựng mục tiêu và kế hoạch can thiệp cá nhân được đa số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và những người làm công tác giáo dục trẻ tự kỷ thực hiện một cách thường xuyên; Quy trình phối hợp chẩn đoán khả năng và nhu cầu của trẻ được nhiều cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên lựa chọn sử dụng thường xuyên song hiệu quả của nó đem lại lại không được tốt. Trong thực hiện quy trình giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ theo mô hình kết hợp giữa trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật và trường mầm non còn có một nội dung đó là phối hợp đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập. Phối hợp đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập được 54,07% đánh giá thực hiện thường xuyên, bên cạnh 15,53% đôi khi thực hiện. Phối hợp đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập mới chỉ được 41,59% đánh giá hiệu quả ở mức độ khá; 26,55% đánh giá hiệu quả tốt; 16,81% đánh giá hiệu quả trung bình và 15,05% đánh giá ở mức độ yếu. Đánh giá kết quả là nội dung không thể thiếu trong khi thực hiện quy trình nhưng để có được hiệu quả phải có thang đánh giá phù hợp. Đây là một trong những khó khăn khi thực hiện đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập.

Kết quả: Có 64% ý kiến cho rằng giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ theo mô hình kết hợp giữa trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật và trường mầm non có hiệu quả. Phỏng vấn sâu một số giáo viên cho rằng, trẻ tự kỷ nên theo học ở các lớp học chuyên biệt với các chuyên gia. Còn ở lớp hòa nhập, giáo viên không có đủ điều kiện để giúp trẻ tiến bộ, đặc biệt là những trẻ mắc tự kỷ nặng.

Trình độ chuyên môn và nhu cầu khi tham gia giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ của giáo viên: không có giáo viên nào được đào tạo chuyên ngành giáo dục hòa nhập bậc mầm non song chưa có đợt tập huấn chuyên sâu nào về giáo dục hòa nhập trẻ tự kỷ; giáo viên có nhu cầu được bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.

Chương 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC HOÀ NHẬP CHO TRẺ TỰ KỶ LỨA TUỔI MẦM NON Ở KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Đảm bảo mục tiêu của giáo dục mầm non

3.1.2. Đảm bảo phù hợp với đặc điểm của trẻ

3.1.3. Đảm bảo tính phát triển, tính hệ thống, tính đồng bộ

3.1.4. Đảm bảo tính cụ thể, tính mềm dẻo, tính linh hoạt

3.1.5. Đảm bảo tiếp cận hoạt động, phát huy vai trò chủ thể của trẻ

3.2. Các nhóm biện pháp giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỷ tuổi mầm non

3.2.1. Biện pháp 1: Lựa chọn công cụ chẩn đoán mức độ phát triển hiện tại của trẻ

3.2.2. Biện pháp 2: Xây dựng nội dung giáo dục phát triển cá nhân trẻ tự kỷ

3.2.3. Biện pháp 3: Lựa chọn và sử dụng các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật tác động phát triển trẻ

3.2.4. Biện pháp 4: Phối hợp với cha mẹ trong giáo dục hoà nhập cho trẻ tự kỉ

3.2.5. Biện pháp 5: Phát triển môi trường giáo dục hòa nhập cho trẻ thông qua kỹ thuật vòng tay bè bạn

3.2.6. Biện pháp 6: Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng

3.3. Tổ chức thực nghiệm các nhóm biện pháp đề xuất và kết quả đạt được

3.3.1. Mục đích của thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành nhằm xem xét tính khả thi của các biện pháp giáo dục trẻ tự kỉ đã được đề xuất, đồng thời đánh giá hiệu quả của các biện pháp đến sự phát triển trẻ tự kỉ tuổi mầm non.

3.3.2. Nội dung của thực nghiệm

Thực nghiệm các biện pháp giáo dục trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non đã xây dựng tác động đến trẻ trong hoạt động hằng ngày ở lớp học hòa nhập tại trường mầm non để hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết đặc biệt là kỹ năng giao tiếp, gồm: *Kỹ năng tập trung chú ý* (dạy trẻ biết tập trung chú ý vào người, vật hoặc hoạt động, bao gồm nhìn, lắng nghe, có thời gian, suy nghĩ); *kỹ năng bắt chước* (ban đầu dạy trẻ bắt chước những âm thanh và hành động sau đó dạy trẻ biết bắt chước các cử động trên mặt, thao tác phối hợp trong các hoạt động với bạn và cô; bắt chước lời nói, cử chỉ, điệu bộ của người khác qua trò chơi đóng vai theo chủ đề, qua giao tiếp với cô và các bạn trong tình huống thực hàng ngày); *Kỹ năng luân phiên* (biết thực hiện hành vi luân phiên trong quá trình giao tiếp, biết đáp ứng yêu cầu của người khác, lần lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi, trả lời câu hỏi); *Kỹ năng hiểu ngôn ngữ*: Giúp trẻ biết hiểu những chỉ dẫn bằng lời nói và hành động, các tình huống chơi đóng vai đơn giản, thể hiện cảm xúc); *Kỹ năng sử dụng lời nói*: Giúp trẻ biết sử dụng lời nói vận dụng vào các tình huống giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày.

Nội dung của thực nghiệm được thực hiện thông qua các hoạt động đón, trả trẻ, hoạt động học, giờ chơi và hoạt động ở các góc buổi sáng và chơi tự do buổi chiều theo các chủ đề: Bản thân, Gia đình, Một số nghề phổ biến.

3.3.3. Tổ chức thực nghiệm

3.3.3.1. Điều kiện thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành trong điều kiện tự nhiên, trong khung cảnh sinh hoạt bình thường của trẻ tại trường mầm non. Các hoạt động của lớp học vẫn diễn ra bình thường nhưng có sự thay đổi về cách làm của GV. Không có kinh phí đầu tư cho nhóm thực nghiệm.

3.3.3.2. Chuẩn bị thực nghiệm

* *Lựa chọn địa bàn thực nghiệm*

Chúng tôi chọn Trường Mầm non Phan Thiết - Thành phố Tuyên Quang làm địa bàn nghiên cứu thực nghiệm cho đề tài. Trường mầm non được lựa chọn thỏa mãn các yêu cầu là có điều kiện để lựa chọn được nhóm trẻ tự kỉ nghiên cứu có điểm tương đồng.

* *Lựa chọn khách thể*

Chúng tôi chọn 03 trẻ tự kỉ để tiến hành thực nghiệm; các trẻ tự kỉ cùng sinh năm 2012 (lớp mẫu giáo 5-6 tuổi); được can thiệp sớm ngay khi phát hiện ra dấu hiệu tự kỉ; có hỗ trợ cá nhân hằng ngày (tại lớp, GV hỗ trợ, can thiệp tại trung tâm hỗ trợ và giáo dục trẻ khuyết tật).

** Thu thập thông tin về trẻ và lập hồ sơ cá nhân*

Thu thập thông tin về trẻ: Tên, ngày sinh, cha mẹ, nơi ở, thông tin về biểu hiện và mức độ tự kỉ; Thông tin về trẻ và gia đình có liên quan đến biểu hiện tự kỉ của trẻ; thông tin về quá trình can thiệp sớm. Tiến hành lập hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của trẻ theo mẫu được Vụ GDMN triển khai cho các địa phương với những thông tin cơ bản như: thông tin về trẻ, đặc điểm chính của trẻ về điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn, nhu cầu cần được đáp ứng, kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch thực hiện chủ đề trong năm, nhận xét chung về sự tiến bộ của trẻ.

** Xây dựng đội ngũ GV dạy thực nghiệm và bồi dưỡng chuyên môn cho GV thực nghiệm*

Phối hợp với trường thực nghiệm để chọn GV là GV đang trực tiếp dạy hòa nhập trẻ tự kỉ để tiến hành thực nghiệm.

Tập huấn cho GV về các biện pháp giáo dục trẻ tự kỉ: đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ; hướng dẫn GV xác định mục tiêu, lập kế hoạch phát triển cá nhân cho trẻ; tạo môi trường thân thiện; áp dụng các kĩ thuật đặc thù để phát triển kĩ năng cho trẻ... Bồi dưỡng GV về quy trình thực nghiệm, các biện pháp tác động trong các hoạt động hằng ngày nhằm giáo dục phát triển nhân cách trẻ tự kỉ. Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ tự kỉ và các biện pháp hỗ trợ.

Giáo dục trẻ tự kỉ trong môi trường giáo dục hòa nhập theo các biện pháp đã được xây dựng. Chúng tôi tiếp tục hỗ trợ, cùng trao đổi, bàn bạc phương thức tiến hành cụ thể, giải đáp thắc mắc của GV, cùng rút kinh nghiệm trong quá trình thực nghiệm. Khi GV tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ tự kỉ đúng và đầy đủ các biện pháp đã xây dựng, chúng tôi quan sát, đánh giá kết quả thực nghiệm.

Hướng dẫn GV và cha mẹ trẻ đánh giá mức độ phát triển của trẻ tự kỉ và đánh dấu vào bảng mức độ phát triển của trẻ tự kỉ đạt được lần 1, 2, 3 theo mẫu.

** Chuẩn bị các điều kiện và phương tiện cần thiết cho thực nghiệm:* Chuẩn bị kế hoạch giáo dục cá nhân trẻ tự kỉ; Chuẩn bị các biểu mẫu quan sát; Chuẩn bị các biểu mẫu đánh giá.

3.3.4. Tiến trình và theo dõi thực nghiệm

Chương trình thực nghiệm được tiến hành trong 3 tháng (từ tháng 10 năm 2016 đến hết tháng 12 năm 2016. Thực nghiệm được tiến hành 3 bước.

Bước 1: Đánh giá trước thực nghiệm

Để có thông tin về sự phát triển kĩ năng của trẻ tự kỉ làm căn cứ cho việc phân tích kết quả tác động của các biện pháp thực nghiệm. Việc đánh giá kĩ năng của trẻ tự kỉ trước thực nghiệm được thực hiện theo tiêu chí và cách thức tiến hành như được trình bày trong phần đánh giá kết quả thực nghiệm.

Bước 2: Sử dụng các biện pháp tác động

Trên cơ sở các biện pháp đã được xây dựng, GV lựa chọn để tổ chức các hoạt động hằng ngày trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non và trong hoạt động hỗ trợ cá nhân cho trẻ tự kỉ, phối hợp với cha mẹ.

Trong quá trình thực nghiệm, chúng tôi quan sát, ghi chép vào bảng theo dõi thực nghiệm việc tổ chức các hoạt động của lớp và các biện pháp nhằm điều chỉnh kịp thời các nội dung, hình thức sao cho phù hợp với đặc điểm trẻ tự kỉ học hòa nhập ở trường MN. Đồng thời theo dõi sự phát triển kỹ năng của trẻ tự kỉ trong quá trình tham gia các hoạt động hằng ngày.

Bước 3: Đánh giá kết quả thực nghiệm

Đánh giá kết quả thực nghiệm bao gồm đánh giá từng giai đoạn (kết thúc 01 chủ đề đánh giá 1 lần) và đánh giá cuối cùng.

3.3.5. Đánh giá kết quả thực nghiệm

Tổng hợp điểm sau TN từ tiêu chí của cả 3 trường hợp nghiên cứu cho thấy điểm trung bình tất cả các tiêu chí đều cao hơn đáng kể so với kết quả khảo sát ban đầu trước TN. Điều đó cho thấy các biện pháp TN đã phát triển kỹ năng cho các trẻ. Tuy nhiên sự dao động điểm số của các tiêu chí khá rộng, từ 0 đến 6 điểm. Ở nhóm kỹ năng tập trung chú ý điểm dao động từ 0 đến 6 điểm. Nhóm kỹ năng bắt chước có điểm dao động từ 1 đến 9 điểm. Nhóm kỹ năng luân phiên là từ 1 đến 6 điểm. Kết quả này phản ánh mức độ phát triển kỹ năng đa dạng ở các trẻ tự kỉ khác nhau.

Một số nhận xét:

Cả 3 trường hợp nghiên cứu đều được tác động bởi 6 biện pháp và đều thể hiện rõ ràng sự phát triển theo hướng tích cực qua kết quả 3 lần đo. Kết quả đo lần cuối cùng cho thấy trẻ đã đạt được các mục tiêu về phát triển kỹ năng cho trẻ được đặt ra trong kế hoạch giáo dục cá nhân.

Nhìn điểm trung bình chung của kết quả TN đã thay đổi rõ rệt so với kết quả đo trước TN ở cả 5 nhóm kỹ năng. Tuy nhiên sự chênh lệch giữa điểm trước TN và sau TN ở mỗi nhóm kỹ năng là không đều. Trong đó nhóm kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ có sự chênh lệch thấp nhất. Điều này có thể lý giải trẻ tự kỉ khó khăn trong giao tiếp nhưng các trẻ có một ưu thế kéo lại là kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ. Kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ có mối liên hệ mật thiết với nhóm kỹ năng tập trung chú ý. Trẻ nào có kỹ năng tập trung chú ý cao thì có kết quả khả năng nghe hiểu ngôn ngữ cao hơn. Điều đó cho thấy muốn phát triển kỹ năng cho trẻ tự kỉ phải quan tâm hàng đầu là nhóm kỹ năng tập trung chú ý sau đó mới đến nhóm kỹ năng khác.

Trong 3 trường hợp nghiên cứu mỗi cháu có một đặc điểm khác nhau. Xét trên bình diện chung nhất của 05 nhóm kỹ năng giao tiếp như: tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ thì chúng tôi nhận thấy nhóm kỹ năng *bắt chước* của các trẻ là khá hơn so với 04 nhóm kỹ năng còn lại là tập trung chú ý, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ. Bởi vì, trẻ tự kỉ có điểm mạnh là khả năng chụp hình tốt nên trong quá trình giao tiếp kỹ năng bắt chước được coi là kỹ năng dễ dàng thực hiện hơn đối với trẻ.

Bé H.G.T đã có sự tiến bộ vượt bậc và rõ nét nhất về kỹ năng so với 2 trẻ còn lại. Cuối

giai đoạn thực nghiệm cô giáo và gia đình rất vui về sự tiến bộ của con. H.G.T đã biết chú ý khi cô giáo dạy, con đã biết lắng nghe và hiểu nội dung giao tiếp. Trong các hoạt động hàng ngày con đều thực hiện được nhiệm vụ học tập dưới sự trợ giúp của cô giáo và các bạn. Khi con muốn gì con đã biết nói lên yêu cầu của mình, mặc dù mới chỉ là các từ đơn, từ đôi nhưng giúp cho H.G.T tự tin hơn khi học hòa nhập với các bạn.

Trong 05 nhóm kỹ năng ở trẻ tự kỉ thì chúng tôi nhận thấy nhóm KN luân phiên là nhóm kỹ năng khó rèn luyện nhất. Vì trẻ tự kỉ, đa số các cháu đều có khiếm khuyết đi kèm là tăng động giảm chú ý nên trong quá trình giao tiếp đối với nhóm kỹ năng luân phiên thì vô cùng khó khăn để rèn luyện trẻ. Chẳng hạn như cháu Đ.V.T phải qua hai chủ đề chúng tôi mới rèn luyện cho trẻ Đ.V.T được kỹ năng chờ đến lượt mình khi trò chơi truyền bóng, lần lượt sử dụng đồ chơi trong giờ chơi với các bạn trong lớp.

Muốn hình thành kỹ năng cho trẻ tự kỉ cần phải có sự kiên trì tác động trong một thời gian dài. Kết quả này cũng khẳng định các biện pháp chuẩn bị, tổ chức và hỗ trợ tổ chức phát triển kỹ năng cho trẻ tự kỉ cần được vận dụng một cách linh hoạt cho phù hợp với từng trẻ, để giúp cho mỗi trẻ đều được phát triển kỹ năng một cách tốt nhất. Qua đó cũng cho thấy sự hợp lý của các biện pháp đã được đề xuất luôn nhấn mạnh cả yếu tố kỹ thuật tổ chức cho trẻ tự kỉ trong lớp học hòa nhập ở trường MN.

Cả 3 trường hợp trẻ được nghiên cứu đều chịu sự tác động của các biện pháp với quy trình như nhau nhưng liều lượng và cách tác động khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của từng trẻ, cuối cùng cho ra kết quả khác nhau. Chính vì vậy tại các thời điểm đo kết quả từng trẻ có sự khác biệt về thống kê. Kết quả này cho thấy mỗi đứa trẻ là một cá nhân riêng biệt, sự phát triển kỹ năng của trẻ là hết sức đa dạng ở mỗi trẻ tự kỉ. Nên trong quá trình giáo dục hoà nhập cần chú trọng đến tính cá biệt.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trẻ tự kỉ là những trẻ chậm trễ trong ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ nói khác thường; giao tiếp và tương tác kém, có những hành vi lặp khuôn, định hình, khả năng tư duy trừu tượng kém. Mỗi trẻ tự kỉ đều có đặc điểm khác nhau nhưng có một điểm chung là khó khăn về giao tiếp, về phát triển vận động và tương tác xã hội.

Trên cơ sở thu thập, tổng hợp, phân tích các kết quả nghiên cứu khoa học nước ngoài và trong nước có liên quan tới trẻ tự kỉ và phát triển kỹ năng cho trẻ tự kỉ, đề tài đã khẳng định mối quan hệ giữa quá trình tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non và sự phát triển kỹ năng cho trẻ tự kỉ. Mặt khác hoạt động phát triển kỹ năng trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non không chỉ thể hiện các đặc điểm của tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mà còn mang tính chất can thiệp song vẫn không ảnh hưởng tới hoạt động của lớp, chương trình lớp học.

Hiện nay trẻ tự kỉ đã được học hòa nhập ở các trường mầm non, khó khăn lớn nhất của trẻ tự kỉ khi học hòa nhập ở trường mầm non là giao tiếp. Vốn từ ít, khó khởi xướng cuộc giao tiếp nên trong hoạt động hằng ngày trẻ gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp với cô giáo và

các bạn. Hơn nữa, hiện nay trong các trường mầm non các thành phố lớn có nhiều trẻ tự kỉ theo học nhưng còn một số hạn chế cần được điều chỉnh như về số lượng trẻ quá đông, nhận thức của GV kiến thức, kỹ năng, phương pháp dạy cho trẻ tự kỉ..., cần tăng cường thiết lập mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường trong quá trình chăm sóc và dạy trẻ, cần có chế độ ưu đãi dành cho GV dạy hoà nhập. Kết quả thực trạng cũng cho thấy có một bộ phận GV đã có nhận thức đúng về các biện pháp phát triển kỹ năng cho trẻ tự kỉ tuy nhiên còn có những hạn chế khi áp dụng trong thực tế. Nguyên nhân của thực trạng trên là do thiếu nghiên cứu một cách có hệ thống biện pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ cũng như thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo, hướng dẫn của các nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý về hướng dẫn thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ và công tác bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn, hỗ trợ tài liệu tham khảo cho các cơ sở giáo dục hòa nhập, GV và cha mẹ có con tự kỉ.

Việc nghiên cứu và xây dựng các biện pháp cho trẻ tự kỉ tuổi mầm non được tiến hành dựa trên đặc điểm của trẻ tự kỉ, tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non, phối hợp hài hòa sự tác động giáo dục tất cả trẻ trong lớp mẫu giáo hòa nhập và hỗ trợ cá nhân, sự tương tác tích cực giữa các trẻ em với nhau và giữa GV với trẻ. Sự phát triển của trẻ tự kỉ diễn ra theo quy luật nhất định song hướng đến mục tiêu là phát triển kỹ năng.

Các biện pháp tổ chức giáo dục trẻ tự kỉ được xây dựng đảm bảo yêu cầu chung trong tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non, đảm bảo vai trò chủ thể của trẻ trong quá trình tham gia các hoạt động, tạo tương tác tích cực giữa trẻ bình thường và trẻ tự kỉ trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách cho trẻ tự kỉ phù hợp với xu thế giáo dục trẻ tự kỉ trên thế giới và trong khu vực là môi trường tốt cho trẻ tự kỉ phát triển kỹ năng và mọi mặt là môi trường giáo dục hòa nhập. Các biện pháp tác động vào toàn bộ quá trình tổ chức các hoạt động hằng ngày của GV lớp mẫu giáo hòa nhập và hỗ trợ gia đình trẻ.

Bằng kết quả thực nghiệm đã chứng minh rằng: 8 biện pháp cụ thể được nghiên cứu và đề xuất trong đề tài là một hệ thống liên hoàn, chặt chẽ, mang tính khoa học, độ tin cậy, tính khả thi và hiệu quả cao trong điều kiện giáo dục hòa nhập trẻ mầm non tại khu vực miền núi phía Bắc hiện nay.

Để giúp trẻ tự kỉ phát triển rất cần các biện pháp tác động của GV phù hợp và bên cạnh đó cần có sự phối hợp đồng bộ của gia đình - nhà trường - xã hội. Đặc biệt các cha mẹ cần tin tưởng rằng trẻ tự kỉ có những khiếm khuyết và hội chứng đi kèm làm ảnh hưởng không tốt đến sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ nhưng nếu trẻ được quan tâm, can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập tốt thì sẽ khắc phục được những khiếm khuyết của trẻ, trẻ có thể tự tin trong giao tiếp, học được kiến thức văn hóa, hòa nhập cộng đồng và trở thành con người có ích trong xã hội.

2. Khuyến nghị

Nhà trường nên có sự hỗ trợ động viên với các GV dạy lớp hoà nhập có trẻ khuyết tật nói chung và trẻ tự kỉ nói riêng, nên sắp xếp số lượng trẻ trong lớp có trẻ tự kỉ phù hợp có 1 đến 2 trẻ trong một lớp, lớp học có trẻ tự kỉ học hòa nhập nên được giảm sĩ số so với các lớp khác; nên tổ chức những lớp tập huấn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp chăm

sóc và giáo dục cho GV dạy hòa nhập trẻ tự kỉ, tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tự kỉ phát triển trong môi trường học tập, vui chơi hoà nhập. Thiết lập mối quan hệ với gia đình trẻ nhằm trao đổi, thống nhất kế hoạch chăm sóc và giáo dục cho trẻ tự kỉ. Cần phải có cái nhìn đa dạng về trẻ tự kỉ, không có quan điểm đánh đồng tất cả trẻ đều có sự tiến bộ giống nhau khi tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ.

Để giúp trẻ tự kỉ học hòa nhập đạt kết quả tốt cần có hoạt động hỗ trợ cá nhân có thể là GV hỗ trợ cho trẻ tự kỉ ngay tại lớp hoặc GV hỗ trợ đi kèm trẻ trong các hoạt động hàng ngày trong thời gian đầu trẻ ra học hòa nhập. Do vậy, Bộ giáo dục và đào tạo cần nghiên cứu, xây dựng đội ngũ GV hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập và cơ chế xã hội hóa cùng với cha mẹ đóng góp để giúp cho trẻ tự kỉ có được cơ hội Hỗ trợ cá nhân trong quá trình giáo dục hòa nhập. Khi trẻ có những tiến bộ thì giảm dần hoạt động hỗ trợ cá nhân.

GV dạy hòa nhập trẻ tự kỉ có vai trò rất quan trọng, sự phát triển của trẻ phụ thuộc vào phương pháp dạy học của GV do vậy GV phải tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mình để có sự hiểu biết hơn về trẻ khuyết tật và đặc biệt là trẻ tự kỉ. Luôn học hỏi, trau dồi kinh nghiệm dạy học và chăm sóc trẻ theo hướng tích cực. Chủ động liên lạc với gia đình trẻ để thông báo cũng như thiết lập mối quan hệ nhằm xây dựng những kế hoạch và có những phương pháp, biện pháp dạy trẻ tốt hơn. Trong quá trình dạy trẻ tự kỉ cần có tình yêu thương trẻ, cảm thông với gia đình và sự kiên trì chịu đựng khi trẻ tự kỉ có những biểu hiện bùng nổ về hành vi lệch chuẩn.

Các cơ quan đào tạo, quản lý, nghiên cứu giáo dục mầm non cần nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo để tăng cường nguồn thông tin chuyên môn cho các cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt là tổ chức hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ em trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập.

Các cơ quan quản lý giáo dục và các tổ chức xã hội cần nâng cao công tác thông tin tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cộng đồng về trẻ tự kỉ, giáo dục hòa nhập để giúp trẻ tự kỉ có thể học tập đạt kết quả tốt nhất.

Cha mẹ cần chủ động liên hệ với GV để trao đổi về vấn đề của con ở trường, chủ động tìm tài liệu, học hỏi kinh nghiệm, có thái độ thông cảm, với GV, tích cực tìm hiểu về những phương pháp dạy con hiệu quả, tiếp thu lắng nghe ý kiến, kinh nghiệm của những người đi trước hay những người có kinh nghiệm trong dạy con để giúp con mình tiến bộ. Tích cực tham gia các câu lạc bộ như câu lạc bộ gia đình Tự kỉ để được chia sẻ về tài liệu tham khảo, kinh nghiệm thực tế hay những phương pháp mới giúp cho việc dạy con mình đạt kết quả cao hơn. Cha mẹ cần hiểu con mình, không nên nhìn phiến diện, bi quan về sự phát triển của con. Mỗi trẻ tự kỉ đều có sự phát triển cá biệt riêng, có trẻ tốt ở mặt này nhưng lại kém ở mặt khác.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu cơ chế phối hợp giữa ngành y tế, các cơ sở can thiệp sớm cho trẻ tự kỉ, các trường mầm non thực hiện giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ để có sự hỗ trợ đồng bộ giúp trẻ tự kỉ học hòa nhập.